

Quatest 1

**TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

Số 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (84-24) 37917346

Fax: (84-24) 38361199

E-mail: testlab7@quatest1.com.vn

Website: <http://www.quatest1.com.vn>

HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC



Quatest 1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (84-24) 37917346

Fax: (84-24) 38361199

E-mail: testlab7@quatest1.com.vn

Website: <http://www.quatest1.com.vn>

HỒ SƠ

GIỚI THIỆU NĂNG LỰC

HỒ SƠ GỒM CÓ:

1. GIỚI THIỆU CHUNG

- Giới thiệu Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
- Sơ đồ tổ chức Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

2. TỰ CÁCH PHÁP NHÂN

- Quyết định thành lập Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
- Quyết định ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định
- Chứng chỉ công nhận lĩnh vực Thử nghiệm; Đo lường - Hiệu chuẩn; Giám định theo ISO/IEC 17025 và ISO/IEC 17020
- Quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

3. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Quatest 1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (84-24) 37917346

Fax: (84-24) 38361199

E-mail: testlab7@quatest1.com.vn

Website: <http://www.quatest1.com.vn>

1. GIỚI THIỆU CHUNG

GIỚI THIỆU TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

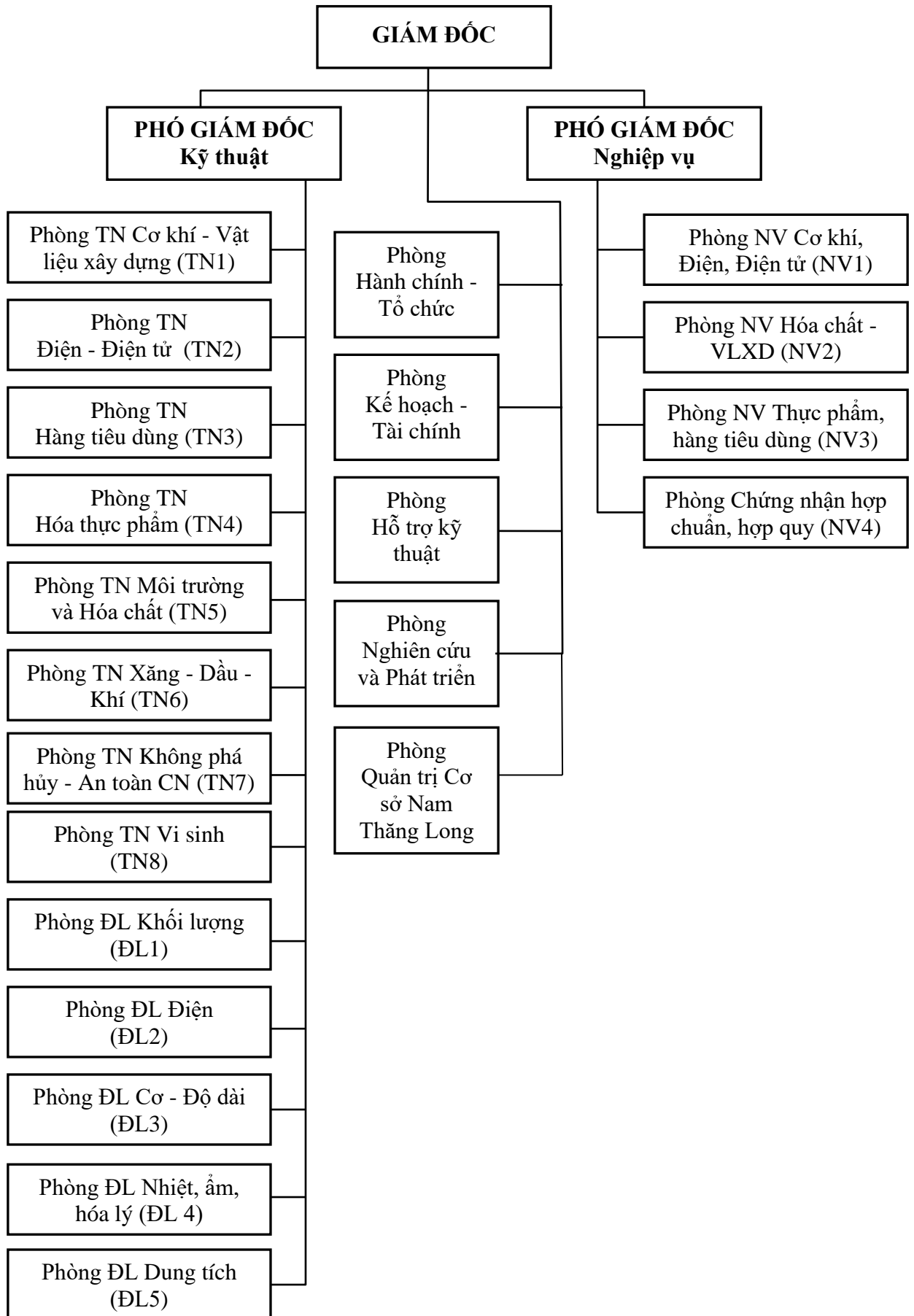
Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1 hay QUATEST 1), là tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, thực hiện chức năng phục vụ quản lý Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân.

Nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực: Giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình theo yêu cầu hoặc chỉ định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Cung cấp các dịch vụ về lĩnh vực đo lường, thử nghiệm, giám định, chứng nhận, bảo trì và sửa chữa các phương tiện đo theo yêu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân.
3. Thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo theo quy định của pháp luật.
4. Tổ chức thử nghiệm chất lượng, vệ sinh, an toàn các sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, công trình.
5. Tổ chức thực hiện việc khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường.
6. Tiến hành giám định sản phẩm hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền sản xuất, chuyển giao công nghệ và chất lượng công trình xây dựng.
7. Tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

8. Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng cho cán bộ, viên chức của Trung tâm và theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân.
9. Tư vấn giám sát và đánh giá chất lượng công trình, giám sát lắp đặt, chế tạo thiết bị.
10. Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn đổi mới công nghệ. Tổ chức, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.
11. Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
12. Thực hiện các hoạt động dịch vụ về đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.
13. Thực hiện các hoạt động tư vấn dịch vụ tư vấn quản lý dự án, đấu thầu, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, lập các dự án đầu tư và trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật.
14. Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, cung ứng thiết bị thử nghiệm và các thiết bị kỹ thuật khác.
15. Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quy định của pháp luật.
16. Tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Quatest 1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (84-24) 37917346

Fax: (84-24) 38361199

E-mail: testlab7@quatest1.com.vn

Website: <http://www.quatest1.com.vn>

2. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 274/QĐ-TT

Hà Nội ngày 17 tháng 10 năm 1994

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Về thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng 1

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 15-CP ngày 02/03/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 22-CP ngày 22/05/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Xét đề nghị của các ông Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức và Cán bộ khoa học;

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:* Thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 1 (gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) trên cơ sở các phòng Thử nghiệm, các phòng Đo lường và các phòng Nghiệp vụ của Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng khu vực 1. Trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.
- Điều 2:* Trung tâm Kỹ thuật 1 là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và có con dấu để giao dịch công tác.
- Điều 3:* Trung tâm Kỹ thuật 1 có nhiệm vụ chính sau đây :
1. Tiến hành thử nghiệm, thẩm định, đánh giá, giám định chất lượng hàng hoá và đo lường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cũng như các yêu cầu quản lý nhà nước của các cơ quan Hải quan, Môi trường, Quản lý thị trường, Công nghệ, Tư pháp... Ngoài ra được phép khai thác năng lực đo lường, thử nghiệm để phục vụ các yêu cầu của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
 2. Bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường và tiến hành kiểm định chuẩn theo phân cấp của Tổng cục đối với Chỉ cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh...
 3. Tham gia xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), tiêu chuẩn Quốc tế.
 4. Tổ chức công tác thương mại, đào tạo, hợp tác Quốc tế trên địa bàn theo sự phân công của Tổng cục.

5. Quản lý cán bộ, tài sản theo quy định.

Điều 4: Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1 để trình Bộ ký duyệt và ban hành.

Điều 5: Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 6: Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ khoa học, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận

- Tổng cục TCĐLCL
- VP Bộ
- Vụ TCCBKH

Minh

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Đặng Minh

THỦ TƯỚNG CÁN SÁU ĐƯNG VỚI BAN CHỈ
ĐI CHỨNG THỰC: 157 Chứng số: 01 SCTB:
Ngày: 28-07-2011

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG NGHĨA ĐO



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Yên



Số: 1373 /QĐ - TĐC

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BAN HÀNH ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 235/QĐ-TĐC ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCCB.

ht



Một Quý Việt



Tổ chức và hoạt động của
Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
(Ban hành kèm theo Quyết định 5673/QĐ-TĐC ngày 27 tháng 6 năm 2014
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Chương I **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (sau đây gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) là tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục) thực hiện chức năng phục vụ quản lý Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nghiên cứu khoa học và các hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân.

2. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tên giao dịch quốc tế là Quality Assurance and Testing Center 1 (viết tắt là QUATEST1).

3. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trụ sở chính tại Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển và hoạt động dài hạn, ngắn hạn, hàng năm của Trung tâm.

2. Tham gia xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản khác theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực: Chứng nhận, giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình...theo yêu cầu hoặc chỉ định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, xây dựng và triển khai các phương pháp, quy trình: thử nghiệm, hiệu chuẩn, kiểm định, giám định, phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa, đánh giá thử nghiệm thành thạo và so sánh liên phòng đối với hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn.

5. Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn, mẫu thử, phương tiện đo, phương tiện thử nghiệm.

6. Cung cấp các dịch vụ:

a) Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phê duyệt phương tiện đo, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo, theo quy định của pháp luật;

b) Thử nghiệm đánh giá chất lượng, vệ sinh, an toàn, hiệu suất năng lượng các sản phẩm, hàng hoá, vật liệu. Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;

c) Giám định sản phẩm hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất, chất lượng công trình. Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn xây dựng các giải pháp kỹ thuật, đổi mới công nghệ;

d) Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

đ) Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra hàn không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân;

e) Kiểm định an toàn công nghiệp; các loại máy, thiết bị, hệ thống thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiệm ngặt về an toàn;

f) Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, giám sát lắp đặt, cung ứng thiết bị, chuyển giao công nghệ. Tư vấn lập các dự án đầu tư trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng, hướng dẫn thực tập sinh theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân.

8. Hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước về các nội dung liên quan đến hoạt động của Trung tâm theo quy định của Tổng cục và của pháp luật.

9. Quản lý công chức, viên chức, người lao động, hồ sơ, tài chính, tài sản và tài liệu của Trung tâm theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng cục trưởng giao.

Chương II **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

Điều 3. Lãnh đạo Trung tâm Kỹ thuật 1

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 gồm Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 do Tổng cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về toàn bộ tổ chức và hoạt động của Trung tâm.

3. Các Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và giúp Giám đốc phụ trách một hoặc một số công tác theo phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công. Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 do Tổng cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.

4. Trong trường hợp Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1, chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về việc điều hành của mình, sau đó báo cáo Giám đốc.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Hành chính - Tổ chức.
2. Phòng Quản trị cơ sở Nam Thăng Long.
3. Phòng Kế hoạch - Tài chính.
4. Phòng Hỗ trợ kỹ thuật.
5. Phòng Nghiên cứu và Phát triển.
6. Phòng Nghiệp vụ Cơ khí, điện, điện tử (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 1).
7. Phòng Nghiệp vụ Hoá chất, Vật liệu xây dựng (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 2).
8. Phòng nghiệp vụ Thực phẩm, Hàng tiêu dùng (gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ 3).
9. Phòng Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy (gọi tắt là Phòng Chứng nhận).
10. Phòng Thử nghiệm Cơ khí và Vật liệu xây dựng (gọi tắt là Phòng Thử nghiệm 1).
11. Phòng Thử nghiệm Điện, điện tử và Hiệu suất năng lượng (gọi tắt là Phòng Thử nghiệm 2).
12. Phòng Thử nghiệm Hàng tiêu dùng (gọi tắt là Phòng Thử nghiệm 3).
13. Phòng Thử nghiệm Thực phẩm (gọi tắt là Phòng Thử nghiệm 4).
14. Phòng Thử nghiệm Môi trường và Hoá chất (gọi tắt là Phòng Thử nghiệm 5).
15. Phòng Thử nghiệm Xăng, dầu, khí (gọi tắt là Phòng Thử nghiệm 6).
16. Phòng Thử nghiệm Không phá huỷ và An toàn công nghiệp (gọi tắt là Phòng Thử nghiệm 7).
17. Phòng Thử nghiệm Vi sinh (gọi tắt là Phòng Thử nghiệm 8).
18. Phòng đo lường Khối lượng (gọi tắt là Phòng Đo lường 1).
19. Phòng đo lường Điện (gọi tắt là Phòng Đo lường 2).
20. Phòng đo lường Cơ và Độ dài (gọi tắt là Phòng Đo lường 3).
21. Phòng đo lường Nhiệt, Âm và Hóa lý (gọi tắt là Phòng Đo lường 4).

22. Phòng đo lường Dung tích - Lưu lượng (gọi tắt là Phòng Đo lường 5).

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 được thành lập Hội đồng Khoa học để tư vấn cho Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo của Trung tâm. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học do Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 quy định.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trung tâm. Việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Trung tâm do Tổng cục trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó các đơn vị thuộc Trung tâm theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Tổng cục và quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhân lực của Trung tâm

1. Công chức, viên chức.
2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.
3. Đội ngũ cộng tác viên.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 làm việc theo chế độ thủ trưởng.
2. Trung tâm Kỹ thuật 1 thực hiện chế độ làm việc, quan hệ công tác với các đơn vị thuộc Tổng cục theo quy chế làm việc của Tổng cục và các quy định khác có liên quan.
3. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài Tổng cục có liên quan theo quy định trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 7. Nguồn thu

1. Nguồn do ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của Trung tâm.
3. Nguồn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các khoản chi

1. Chi hoạt động thường xuyên.
2. Chi các hoạt động dịch vụ tư vấn, đào tạo và nghiên cứu theo các hợp đồng đã ký kết.



3. Chi tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm.
4. Chi thực hiện nhiệm vụ được giao.
5. Các khoản chi khác theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm và các quy định khác của pháp luật.

Điều 9. Chế độ quản lý tài chính, tài sản

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 được áp dụng cơ chế quản lý tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.
2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, tài sản của Trung tâm; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; trích lập các quỹ và thực hiện chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ tổ chức thực hiện Điều lệ này.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét, quyết định./.



QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định khi bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Đăng ký lần đầu, ngày 07/9/1995 (số đăng ký: 417)
Đăng ký lần thứ hai, ngày 03/5/2006 (số đăng ký: A-502)*

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

Tên viết tắt bằng tiếng Việt:

Trung tâm Kỹ thuật 1

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

Quality Assurance and Testing Center 1

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: QUATEST 1

Trụ sở chính:

Số 8, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Tổng số vốn đăng ký: 6.863.898.293 đồng

Quyết định thành lập số: 1373/QĐ
ngày 05 tháng 11 năm 1994

Cơ quan quyết định thành lập:

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
(nay là Bộ Khoa học và Công nghệ)

Cơ quan quản lý trực tiếp:

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

SỐ ĐĂNG KÝ : A - 502

Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ:

- Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Tham gia xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Thực hiện các chương trình, đề tài theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm.
- Chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và phương tiện đo.
- Dịch vụ KH&CN: Đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và quá trình; Kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo; Thử nghiệm chất lượng, vệ sinh, an toàn các sản phẩm, hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, công trình; Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường; Giám định sản phẩm hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền sản xuất, chuyên gia công nghệ và chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng; Tư vấn giám sát và đánh giá chất lượng công trình, giám sát lắp đặt, chế tạo thiết bị; Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn đổi mới công nghệ; Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra không phá hủy, kỹ năng thợ hàn; Tư vấn quản lý dự án, đầu thầu, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, lập các dự án đầu tư và trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường; Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, cung ứng thiết bị thử nghiệm và các thiết bị kỹ thuật khác trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2010

KT. BỘ TRƯỞNG
TTH. TRƯỞNG



Nguyễn Quân

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Mã số doanh nghiệp: 0100111602

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 04 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần 2: ngày 08 tháng 12 năm 2014

Chuyển đổi từ Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 theo Quyết định số 56/QĐ-BKHCN ngày 17/01/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Tên Tổ chức: TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 1

Tên giao dịch: QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1

Tên viết tắt: QUATEST1

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 38361399

Fax: 38361199

Email: hanhchinh@quatest1.com.vn

Website: quatest1.com.vn

3. Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức: Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức
Khoa học và công nghệ được cơ quan chủ quản phê duyệt.

4. Ngành, nghề kinh doanh:

Số TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra, thử nghiệm và đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo chỉ định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;- Kiểm định phương tiện đo trong phạm vi được công nhận;- Hiệu chuẩn, kiểm tra và đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo;- Chứng nhận sản phẩm, dịch vụ phù hợp tiêu chuẩn và các quy chuẩn kỹ thuật;- Thử nghiệm, đánh giá, thẩm định chất lượng, kỹ thuật, vệ sinh, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật liệu, cấu kiện, dự án và công trình theo yêu cầu của các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân;- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng hàng hóa, công trình phù hợp tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;- Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra hàn không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn;- Kiểm tra an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn;	7120

2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Giám định thương mại - Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, chuyển giao công nghệ và an toàn công nghiệp, tư vấn và đánh giá chất lượng công trình xây dựng theo quy định: quan trắc, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;	7490
3.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học: Chi tiết: Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các phương tiện đo, thiết bị thử nghiệm, thiết bị kỹ thuật	3313
4.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Chi tiết: Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và các phương tiện đo Tổ chức thực hiện, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	7210
5.	Giáo dục nghề nghiệp: Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật về chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, các hệ thống quản lý, công cụ quản lý chất lượng và các nội dung có liên quan khác (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép)	8532

5. Tổng giá trị tài sản được giao quản lý và sử dụng tại thời điểm đăng ký kinh doanh: 24.486.372.888 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

6. Tên cơ quan chủ quản: TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội*

7. Người đại diện theo pháp luật:

Chức danh: Giám đốc

Họ và tên: **KIM ĐỨC THỤ** Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 10/05/1966 Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Chứng minh nhân dân số: 012478567

Ngày cấp: 18/03/2005 Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký bộ khẩu thường trú: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội*

8. Thông tin về chi nhánh:

8. Thông tin về văn phòng đại diện:

9. Thông tin về địa điểm kinh doanh: —

TRƯỞNG PHÒNG *Ư*



Trần Hà Thanh



Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN *Certificate of Accreditation*

Phòng thí nghiệm:

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG THỬ NGHIỆM KHÔNG PHÁ HỦY VÀ AN TOÀN CÔNG NGHIỆP
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Laboratory:

**QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER NO.1
NON - DESTRUCTIVE TESTING (NDT) - INDUSTRIAL SAFETY INSPECTION DEPT
DIRECTORATE FOR STANDARDS METROLOGY AND QUALITY**

Địa điểm PTN/ Lab location:

**Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của**

has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

KHÔNG PHÁ HỦY; VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Non- Destructive testing; Civil - Engineering

Mã số

Accreditation No

VILAS 028

**GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)**



VŨ XUÂN THỦY

Ngày/ Date of Issue: 02/11/2020 (Annex of decision: 874.2020/QĐ-VPCNCL date 02/11/2020)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 06/05/2023

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 06/05/2011

Số: 874.2020/QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG NHẬN PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCHN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCHN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG THỬ NGHIỆM KHÔNG PHÁ HỦY VÀ AN TOÀN CÔNG NGHIỆP
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 với danh mục các phép thử nghiệm
kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 028**.

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 06 tháng 05 năm 2023 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Nơi nhận:

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



**GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY**



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: **874.2020/QĐ - VPCNCL** ngày **02** tháng **11** năm **2020**
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1**
Phòng thử nghiệm Không phá hủy và An toàn công nghiệp

Laboratory: **Quality Assurance and Testing Center 1**
Non-destructive Testing (NDT) - Industrial Safety Inspection Dept.

Cơ quan chủ quản: **Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

Organization: **Directorate for Standards, Metrology and Quality**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Không phá hủy (NDT); Vật liệu xây dựng; Cơ**

Field of testing: **Non-destructive Testing (NDT); Building material; Mechanical**

Người quản lý: **Kim Đức Thụ**

Laboratory manager:

Người có thẩm quyền ký /Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Nguyễn Minh Thụ	

Số hiệu/ Code: **VILAS 028**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **06/05/2023**

Địa chỉ/ Address: **Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**

Địa điểm/Location:

Địa điểm 1: Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Địa điểm 2: Lô 2-3-6A Khu CN Nam Thăng Long, P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Điện thoại/ Tel: **024.37917346**

Điện thoại/ Tel: **024.37917346**

E-mail: **teslab7@quatest1.com.vn**

E-mail: **teslab7@quatest1.com.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: Không phá hủy (NDT)

Handwritten signature

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Field of testing: Non-destructive Testing (NDT)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Mối hàn kim loại <i>Metal Welds</i>	Thử chụp ảnh bức xạ (x) <i>Radiographic testing</i>	Chiều dày xuyên thấu/ <i>Penetrant thickness</i> ≤ 75 mm	ISO 17636-1:2013 TCVN 11758-1:2016 ASME BPVC.V-2019 - Article 2 ASTM E94-17 AWS D1.1:2020 AWS D1.5:2015
2.		Thử siêu âm (x) <i>Ultrasonic testing</i>	Chiều dày mối hàn/ <i>Weld thickness</i> (6 ~ 200) mm	ISO 17640:2017 TCVN 6735:2018 ASME V - Article 4:2019 AWS D1.1:2020 AWS D1.5:2015
3.		Thử thâm thấu (x) <i>Liquid penetrant testing</i>	-	ISO 3452-1:2013 TCVN 4617-1:2018 ASTM E165-18 ASME V - Article 6:2019
4.		Thử từ tính (x) <i>Magnetic particle testing</i>	-	ISO 17638:2016 TCVN 4396-1:2018 ASTM E709-15 ASME V - Article 7:2019
5.	Vật liệu kim loại <i>Metal materials</i>	Thử chụp ảnh bức xạ (x) <i>Radiographic testing</i>	Chiều dày xuyên thấu/ <i>Penetrant thickness</i> ≤ 75 mm	ASME V - Article 2:2019 TCVN 6111:2009 ISO 5579:2013
6.		Thử thâm thấu (x) <i>Liquid penetrant testing</i>	-	ISO 3452-1:2013 TCVN 4617-1:2018 ASTM E165-18
7.		Thử từ tính vật liệu sắt từ (x) <i>Magnetic particle testing for Ferromagnetic material</i>	-	ISO 9934-1:2016 TCVN 4396-1:2018 ASTM E709-15

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
8.	Vật liệu kim loại Metal materials	Thử nghiệm siêu âm vật liệu (x) <i>Ultrasonic examination for metal materials</i>	-	EN 10160:1999 ASTM A435-17 ASTM A388-19 ASTM A609-12(2018) ASME V - Article 5:2019
9.		Đo chiều dày bằng siêu âm (x) <i>Thickness measurement by ultrasonic</i>	(0.127 ~ 508) mm	ASTM E797-15
10.	Lớp phủ Coating	Đo chiều dày lớp phủ bằng phương pháp từ (x) <i>Measuring coating thickness by Magnetic-Field methods</i>	Nền từ/ <i>Ferrous</i> : đến/ <i>upto</i> 20 mm Nền không từ/ <i>Non-Ferrous</i> : đến/ <i>upto</i> 1600 µm	ASTM E376-19 TCVN 5878:2007
11.		Độ bám dính của lớp phủ (x) <i>Adhesion of coating</i>	Đến/ <i>upto</i> : 250 µm	TCVN 2097:2015 18 TCN-04-92 TCVN 4392:1986 (phương pháp khắc vạch / <i>Cross-cut method</i>)



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng

Field of testing: Building material

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Kính nổi <i>Clear float glass</i>	Sai lệch chiều dày <i>Thickness tolerance</i>	-	TCVN 7219:2018
2.		Khuyết tật ngoại quan <i>Visible defect</i>	-	TCVN 7219:2018
3.		Độ cong vênh <i>Warping</i>	-	TCVN 7219:2018
4.		Hệ số truyền sáng <i>Light transmittance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
5.	Kính màu hấp thụ nhiệt <i>Heat absorbing tint glass</i>	Sai lệch chiều dày <i>Thickness tolerance</i>	-	TCVN 7219:2018
6.		Khuyết tật ngoại quan <i>Visible defect</i>	-	TCVN 7219:2018
7.	Kính gương Mirror glass	Khuyết tật ngoại quan <i>Visible defect</i>	-	TCVN 7219:2018
8.		Độ cong vênh <i>Warping</i>	-	TCVN 7219:2018
9.		Hệ số phản xạ ánh sáng <i>Light reflectance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
10.	Kính phủ phản quang <i>Solar reflective coated glass</i>	Sai lệch chiều dày <i>Thickness tolerance</i>	-	TCVN 7219:2018
11.		Khuyết tật ngoại quan <i>Visible defect</i>	-	TCVN 7219:2018
12.		Độ cong vênh của kính nền <i>Warping of glass substrate</i>	-	TCVN 7219:2018
13.		Hệ số phản xạ bức xạ mặt trời <i>Solar reflectance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
14.	Kính phẳng tôi nhiệt <i>Heat treated flat glass</i>	Sai lệch chiều dày <i>Thickness tolerance</i>	-	TCVN 7219:2018
15.		Khuyết tật ngoại quan <i>Visible defect</i>	-	TCVN 7219:2018
16.		Độ cong vênh <i>Warping</i>	-	TCVN 7219:2018

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
17.	Kính phẳng tôi nhiệt <i>Heat treated flat glass</i>	Ứng suất bề mặt (x) <i>Surface stresses</i>	-	TCVN 8261:2009 (ASTM C1279)
18.		Độ bền phá vỡ mẫu <i>Sample breaking testing</i>	-	TCVN 7455:2013
19.		Độ bền va đập bi rơi <i>Ball drop impact resistance</i>	-	TCVN 7368:2013
20.		Độ bền va đập con lắc <i>Shot bag impact resistance</i>	-	TCVN 7455:2013
21.		Hệ số truyền sáng <i>Light transmittance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
22.		Hệ số phản xạ ánh sáng <i>Light reflectance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
23.		Hệ số truyền bức xạ mặt trời <i>Solar transmittance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
24.		Hệ số phản xạ bức xạ mặt trời <i>Solar reflectance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
25.		Hệ số truyền bức xạ tử ngoại <i>Ultraviolet transmittance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
26.		Hệ số hấp thụ nhiệt mặt trời (SHGC) <i>Solar heat gain coefficient (SHGC)</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
27.		Hệ số che nắng (SC) <i>Shading coefficient (SC)</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
28.		Hệ số truyền nhiệt (U-Value) <i>Thermal transmittance (U-value)</i>	-	TCVN 9052:2013 (BS EN 673:1998) ISO 10292:1994
29.		Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp <i>Laminated glass and Laminated safety glass</i>	Sai lệch chiều dày <i>Thickness tolerance</i>	-
30.	Khuyết tật ngoại quan <i>Visible defect</i>		-	TCVN 7364-6:2018
31.	Độ bền chịu nhiệt độ cao <i>High temperature resistance</i>		-	TCVN 7364-4:2018
32.	Độ bền va đập bi rơi <i>Ball drop impact resistance</i>		-	TCVN 7368:2013

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
33.	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp <i>Laminated glass and Laminated safety glass</i>	Độ bền va đập con lắc <i>Shot bag impact resistance</i>	-	TCVN 7368:2013
34.		Hệ số truyền sáng <i>Light transmittance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
35.		Hệ số phản xạ ánh sáng <i>Light reflectance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
36.		Hệ số truyền bức xạ mặt trời <i>Solar transmittance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
37.		Hệ số phản xạ bức xạ mặt trời <i>Solar reflectance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
38.		Hệ số truyền bức xạ tử ngoại <i>Ultraviolet transmittance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
39.		Hệ số hấp thụ nhiệt mặt trời (SHGC) <i>Solar heat gain coefficient (SHGC)</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
40.		Hệ số che nắng (SC) <i>Shading coefficient (SC)</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
41.		Hệ số truyền nhiệt (U-Value) <i>Thermal transmittance (U-value)</i>	-	TCVN 9502:2013 (BS EN 673:1998) ISO 10292:1994
42.		Kính phủ bức xạ thấp <i>Low emissivity coating glass</i>	Sai lệch chiều dày <i>Thickness tolerance</i>	-
43.	Khuyết tật ngoại quan <i>Visible defect</i>		-	TCVN 9808:2013
44.	Kính hộp <i>Sealed insulating glass</i>	Sai lệch chiều dày <i>Thickness tolerance</i>	-	TCVN 8260:2009
45.		Khuyết tật ngoại quan <i>Visible defect</i>	-	TCVN 8260:2009
46.		Điểm sương <i>Dew point</i>	-	TCVN 8260:2009
47.		Độ kín theo tác động của chu kỳ nhiệt <i>Leak test according to effect of the heat cycle</i>	-	TCVN 8260:2009

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
48.	Kính hộp <i>Sealed insulating glass</i>	Hệ số truyền sáng <i>Light transmittance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
49.		Hệ số phản xạ ánh sáng <i>Light reflectance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
50.		Hệ số truyền bức xạ mặt trời <i>Solar transmittance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
51.		Hệ số phản xạ bức xạ mặt trời <i>Solar reflectance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
52.		Hệ số truyền bức xạ tử ngoại <i>Ultraviolet transmittance</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
53.		Hệ số hấp thụ nhiệt mặt trời (SHGC) <i>Solar heat gain coefficient (SHGC)</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
54.		Hệ số che nắng (SC) <i>Shading coefficient (SC)</i>	-	TCVN 7737:2007 ISO 9050:2003
55.		Hệ số truyền nhiệt (U-Value) <i>Thermal transmittance (U-value)</i>	-	TCVN 9502:2013 (BS EN 673:1998) ISO 10292:1994
56.	Vòi nước vệ sinh <i>Sanitary tapware</i> (Sen vòi, vòi rửa bát, vòi rửa mặt) <i>(Shower; Sink tap)</i>	Lưu lượng sử dụng nước <i>Water flow used</i>	-	TCVN 12500:2018 (Ref.: BS EN 200:2008)
57.	Bệ xí bột <i>WC pans</i>	Thể tích xả/Thể tích xả hiệu quả <i>Flush volume/ Efficient flush volume</i>	-	TCVN 12501:2018 (Ref.: BS EN 997:2012)
58.	Tiểu nam <i>Wall-hung urinal</i>	Thể tích xả <i>Flush volume</i>	-	TN7/QT/043
59.	Máy giặt gia dụng <i>Clothes washing machines for household use</i>	Thử nghiệm hiệu quả sử dụng nước <i>Water efficiency testing</i>	-	TCVN 11920:2017

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

STT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Van kim loại <i>Metal valve</i>	Thử áp lực (x) <i>Pressure test</i>	Đến 1000 bar/ <i>Upto 1000 bar</i>	TCVN 9441:2013
2.	Sản phẩm, thiết bị chịu áp <i>Pressure equipment</i>	Thử nghiệm khả năng chịu áp lực, thử kín (x) <i>Pressure test, Leak test</i>	Đến 1000 bar/ <i>Upto 1000 bar</i>	TN7/QT/041
3.	Sản phẩm, thiết bị chịu tải <i>Loading equipment</i>	Thử nghiệm khả năng chịu tải (x) <i>Loading test</i> + Giá kệ hàng; sàn và lồng thao tác; xà nâng, càn nâng, giá nâng; dầm chịu lực; giàn giáo xây dựng; thang cáp điện/ <i>Storage rack; Personal lifting platform, Suspended basket; Lifting beam, Lifting spreader, Lifting frame; Beam; Steel scaffolding; electrical cable</i> + Ma ní, tăng đơ, khuyên treo, vòng nối, kẹp tám, kẹp dầm; móc, dây cáp thép, dây xích, cáp vải nhân tạo/ <i>Shackle, Turnbuckle, Master Link, Master link Assembly, Ring, Plate clamp, Beam clamp; Hook; Chain sling, Man-made fiber sling</i>	Max 3000 KN 10000 kgf	TN7/QT/042
4.	Cụm bu lông neo, bu lông nở <i>Anchor bolts</i>	Thử nghiệm khả năng chịu kéo (x) <i>Tensile test</i>	Max 3000 KN	ASTM E488-18
5.	Nồi hơi <i>Boilers</i>	Thử nghiệm hiệu suất năng lượng (x) <i>Energy efficiency testing</i>	-	TCVN 8630:2019

Ghi chú/Noted:

- (x): Các phép thử có thực hiện tại hiện trường/ *Onsite test*
- ASME: American Society of Mechanical Engineers
- ASTM: the American Society for Testing and Materials
- AWS: American Welding Society
- ISO: the International Organization for Standardization
- BS: British Standard
- EN: European Standard





Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Laboratory:

QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1
MECHANICAL AND CONSTRUCTION TESTING LABORATORY
DIRECTORATE FOR STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

CƠ, HÓA

Mechanical, Chemical

Mã số

Accreditation No

VILAS 028

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



VŨ XUÂN THUY

Ngày/ Date of Issue: 26/11/2020 (Annex of decision: 918.2020/QĐ-VPCNCL date 26/11/2020)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 06/05/2023

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 06/05/2011

Số: 918 .2020/ QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG NHẬN PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 với danh mục các phép thử nghiệm kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 028**.

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 06 tháng 05 năm 2023 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Nơi nhận

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 918 .2020/QĐ - VPCNCL ngày 26 tháng 11 năm 2020
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1
Phòng Thử nghiệm Cơ khí và Vật liệu xây dựng
*Laboratory: Quality Assurance and Testing Center 1
Mechanical and Construction Testing Laboratory*

Cơ quan chủ quản: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
Organization: Directorate for Standards, Metrology and Quality

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ, Hóa
Field of testing: Mechanical, Chemical

Người quản lý/
Laboratory manager: Nguyễn-Văn-Minh

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Nguyễn Văn Minh	Các phép thử được công nhận/Accredited Tests
2.	Lê Thanh Tâm	Các phép thử được công nhận/Accredited Tests

Số hiệu/ Code: VILAS 028

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: 06/05/2023

Địa chỉ/ Address:

Số 8 Hoàng Quốc Việt - Quận Cầu Giấy - Hà Nội

No. 8 - Hoang Quoc Viet street - Cau Giay district - Ha Noi city

Địa điểm/Location:

1. Số 8 Hoàng Quốc Việt - Quận Cầu Giấy - Hà Nội

No. 8 - Hoang Quoc Viet street - Cau Giay district - Ha Noi city

2. Lô 2-3-6A khu công nghiệp Nam Thăng Long – Phường Thụy Phương – quận Bắc Từ Liêm – thành phố Hà Nội

Lot 2-3-6A - Nam Thang Long industrial park – Thuy Phuong ward – Bac Tu Liem district – Ha Noi city

Điện thoại/ Tel: 024 38361394

Fax: 024 3861199

E-mail: testlab1@quatest1.com.vn

Website: www.quatest1.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 028

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Vật liệu kim loại <i>Metallic material</i>	Thử kéo <i>Tensile test</i>	Đến/to 2000 kN	ASTM A370 - 19 JIS Z2241: 2011 TCVN 197: 1 - 2014 (ISO 6892-1 : 2016) EN 10002-1:2001
2.		Thử uốn <i>Bend test</i>	Đến/to 2000 kN	ASTM A370 - 19 JIS Z2248 : 2006 TCVN 198 : 2008 (ISO 7438:2005)
3.		Thử độ dai va đập <i>Impact test</i>	Đến/to 300 J	ASTM A370 - 19 TCVN 312-1:2007 ISO 148-1: 2016 JIS Z2242:2005
4.		Thử độ cứng Brinell <i>Brinell hardness test</i>	Đến/to 700 HB	ASTM A370 - 19 JIS Z2243 : 2008 TCVN 256-1:2007 (ISO 6506-2:2014)
5.		Thử độ cứng Rockwell <i>Rockwell hardness test</i>	Đến/to 68 HRC	ASTM A370 - 19 JIS Z2245 : 2011 TCVN 257-1:2007 (ISO 6508-1:2006)
6.		Thử độ cứng Vickers <i>Vickers hardness test</i>	Đến/to 1000 HV	ASTM A370 - 19 JIS Z2244 : 2009 TCVN 258-2:2007 (ISO 6507-1:2006)
7.		Độ cứng Leeb <i>Leeb hardness test</i>	HB, HRA, HRB, HRC, HV, HS, HLD,	ASTM A 956 - 12

he

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
8.	Vật liệu kim loại <i>Metallic material</i>	Xác định chiều sâu lớp thấm cacbon <i>Determination of carburization depth</i>	Đến/to 5mm	JIS G0557 : 2019 TCVN 5747 : 2008
9.		Xác định chiều sâu lớp thoát cacbon <i>Determination of decarburized depth</i>	Đến/to 5mm	JIS G0558 : 2007 TCVN 4507 : 2008
10.		Tổ chức thô đại <i>Macro structure</i>	Đến/to 20X	ASTM E340 - 15 JIS G0553 : 2012
11.		Tổ chức tế vi <i>Micro structure</i>	Đến/to 1000X	JIS G0555 : 2003 TCVN 5345-1991
12.	Ống thép <i>Steel pipe</i>	Thử kéo <i>Tensile test</i>	Đến/to 1000 kN	ASTM A370 - 19 JIS Z2241: 2011 TCVN 197: 1 - 2014 TCVN 314 : 2008
13.		Thử nén bẹp ống thép <i>Flattening test</i>		JIS G3452 : 2014 TCVN 1830:2013
14.		Thử nở rộng vòng ống thép <i>Steel pipe - ring expanding test</i>		ISO 8495 : 2013 TCVN 5892 : 2008
15.		Thử nở rộng <i>Drift expanding test</i>		ISO 8493 : 1998 TCVN 5890 : 2008
16.		Thử áp lực <i>Pressure test</i>	Đến/to 200 bar	JIS G3452 : 2010 TCVN 1832 : 2008
17.	Bulông <i>Bolt</i>	Thử kéo Bu lông <i>Tensile test of bolt</i>	Đến cấp bền/ To grade 12.9	TCVN 1916:1995 ASTM A370 -19 ASTM F606 – 16 ISO 898-1:2013 JIS B 1186: 2013 JIS B 1051: 2014 JIS B 1180:2014

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
18.	Đai ốc <i>Nut and</i>	Thử tải đai ốc <i>Proof load testing of nuts</i>	Đến cấp bền/ <i>To grade 12</i>	ISO 898-2 : 2013 JIS B1052-2: 2009 JIS B1181: 2014
19.	Vòng đệm <i>Washer</i>	Độ dai của vòng đệm vênh (tính đàn hồi, độ dai, độ cứng) <i>Spring washer (elasticity, hardness, Toughness)</i>		TCVN 130 : 1977
20.	Sản phẩm mạ và phủ <i>Coating products</i>	Đo chiều dày lớp phủ không từ trên nền từ (Zn, Sn, Al...) <i>Measurement of thickness of nonmagnetic coating on ferrous base</i>	Đến/to 1000µm	ASTM A123 - 17 ASTM E376 - 11 TCVN 5878 : 2007 (ISO 2178 : 1992)
21.		Đo chiều dày lớp Anod hóa trên nền nhôm <i>Measurement of thickness of Anodic coatings on aluminum base</i>	Đến/to 100µm	ASTM B244 – 16
22.		Xác định khối lượng tầng kẽm <i>Determination of Zinc coating mass</i>		ASTM A90M – 13 JIS H0401 : 2013 TCVN 4392 : 1986
23.		Xác định độ đồng đều lớp phủ <i>Determination of homogeneous of coating</i>		JIS H 0401 : 2013 TCVN 4392: 1986
24.		Xác định độ bám dính lớp phủ <i>Determination of Adhension of coating</i>		ASTM A123 – 17 JIS H 0401 : 2013 TCVN 2097 : 1993 TCVN 5408:2007

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 028

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any) /range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép cacbon và thép hợp kim thấp <i>Carbon and Low-Alloy Steet</i>	Phân tích thành phần hóa học. Phương pháp quang phổ phát xạ chân không <i>Analysis chemical compositions. Spark Atomic Emission Spectrometry method</i>	C: (0,008 ~ 1,1) % Si: (0,07 ~ 1,15) % S: (0,01 ~ 0,2) % P: (0,02 ~ 0,085) % Mn: (0,1 ~ 2,0) % Ni: (0,02 ~ 5,0) % Cr: (0,02 ~ 2,25) % Mo: (0,03 ~ 0,6) % V: (0,004 ~ 0,3) % Cu: (0,001 ~ 0,3) % Ti: (0,04 ~ 0,02) % Sn: (0,01 ~ 0,045) % Co: (0,008 ~ 0,18) % Al: (0,02 ~ 0,075) %	ASTM E415 – 17 TCVN 8998:2018
2.	Nhôm và hợp kim nhôm <i>Aluminum and aluminum Alloys</i>	Phân tích thành phần hóa học. Phương pháp quang phổ phát xạ chân không <i>Analysis chemical compositions. Spark Atomic Emission Spectrometry method</i>	Si: (0,07 ~ 15,0) % Fe: (0,2 ~ 0,5) % Cu: (0,001 ~ 5,5) % Mn: (0,001~ 1,2) % Mg: (0,03~ 5,4) % Zn: (0,002~ 5,7) % Ti: (0,001~ 0,12) % Cr: (0,001~ 0,23) % Ni: (0,005~ 2,6) % Pb: (0,04 ~ 0,25) % V: (0,002 ~ 0,15) % Sn: (0,001 ~ 0,032) % Co: (0,01 ~ 0,04) %	ASTM E1251- 17a

ka

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 028

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any) /range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
3.	Đồng và hợp kim đồng <i>Copper and Copper alloys</i>	Phân tích thành phần hóa học. Phương pháp quang phổ phát xạ chân không <i>Analysis chemical compositions. Spark Atomic Emission Spectrometry method</i>	Fe: (0,0004 ~ 4,072) % Mn: (0,0011 ~ 5,0) % P: (0,01 ~ 0,04) % Pb: (0,02 ~ 5,0) % Sn: (0,0003 ~ 5,0) % Zn: (0,0005 ~ 45,5) % Cr: (0,001 ~ 0,05) % Ni: (0,0004 ~ 31,3) % Al: (0,0004 ~ 9,0) % Co: (0,0001 ~ 0,075) % Si: (0,0005 ~ 0,874) %	BS EN 15079 : 2015
4.	Thép không gỉ <i>Austenitic Stainless Stell</i>	Phân tích thành phần hóa học. Phương pháp quang phổ phát xạ chân không <i>Analysis chemical compositions. Spark Atomic Emission Spectrometry method</i>	C: (0,005 ~ 0,25) % Si: (0,01 ~ 0,9) % S: (0,003 ~ 0,065) % P: (0,003 ~ 0,15) % Mn: (0,01 ~ 2,0) % Ni: (3,1 ~ 23,0) % Cr: (14,7 ~ 23,0) % Mo: (0,01 ~ 3,0) % Cu: (0,01 ~ 0,3) %	ASTM E 1086-14
5.	Vàng và hợp kim vàng <i>Gold and gold alloys</i>	Xác định hàm lượng vàng. Phương pháp huỳnh quang tia X <i>Determination of gold content. X-Ray fluorescent method</i>	Đến/to 99,99%	TCVN 7055 : 2014
6.		Đo tỷ trọng <i>Measurement of density</i>		TCVN 5545 : 1991

Ghi chú/Note:

- JIS: Japanese Industrial Standard
- ASTM: American Society for Testing and Materials
- Địa điểm 1: Tất cả các phép thử/ Location 1: all of accredited tests
- Địa điểm 2: Các phép thử số 1, 2, 12, 13, 17 của lĩnh vực Cơ/ Location 2: Tests number 1, 2, 12, 13, 17 in Mechanical field

Quatest 1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (84-24) 37917346

Fax: (84-24) 38361199

E-mail: testlab7@quatest1.com.vn

Website: <http://www.quatest1.com.vn>

3. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

3. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

3.1 LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 là một trong các tổ chức giám định chuyên nghiệp tại Việt Nam cung cấp dịch vụ giám định phù hợp quy định Quốc tế. Đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản và dày dặn kinh nghiệm của Trung tâm Kỹ thuật 1 có khả năng thực hiện các nội dung giám định sau:

Nội dung giám định:

- Định lượng hàng hóa: Kiểm đếm, số lượng, khối lượng,...
- Theo quá trình: sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ; Giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ; giám sát công trình xây dựng,...
- Giám định không phá hủy: Kiểm tra kết cấu hàn các công trình; Kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường.
- Lấy mẫu theo yêu cầu hoặc theo các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành.
- Phân tích chỉ tiêu chất lượng hàng hóa theo các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.
- Xác định tình trạng, mức độ tổn thất hàng hoá.
- Giám định về quy cách, phẩm chất, tình trạng, số lượng, khối lượng, xuất xứ hàng hóa.
- Giám định môi trường: vệ sinh, an toàn công nghiệp, xử lý nước, nước thải, ...

Chuyên ngành hoạt động:

- Cơ khí luyện kim, Điện - Điện tử: các sản phẩm, hàng hóa và vật liệu cơ khí, luyện kim, các sản phẩm điện - điện tử, giám sát công trình; đánh giá thực trạng, trình độ, năng lực công nghệ, ...
- Hóa chất, Vật liệu xây dựng: hóa chất (hóa chất cơ bản, phân bón, dung môi, cao su, chất dẻo, sơn keo...); mỹ phẩm, vật liệu xây dựng và các sản phẩm dầu khí,...
- Thực phẩm, hàng tiêu dùng: nông sản, thực phẩm, thủy sản; các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng: dệt, da, may mặc, giấy, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, ...

3.1.1 Cơ khí luyện kim, điện - điện tử

Phòng Nghiệp vụ Cơ khí - Điện có chức năng kiểm tra giám định chính sau:

- Thực hiện kiểm tra chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu đối với các sản phẩm và hàng hóa sản xuất trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu có qui định bắt buộc phải kiểm tra Nhà nước về chất lượng thuộc lĩnh vực cơ khí, điện theo chỉ định của các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành.
- Thực hiện dịch vụ giám định đối với các lĩnh vực sau:
 - + Thiết bị công nghệ, hàng hóa, sản phẩm thuộc ngành cơ khí, điện, vật liệu kim loại (chủng loại, tình trạng chất lượng, tính đồng bộ dây chuyền, tính năng hoạt động...).
 - + Đánh giá thực trạng công nghệ (trình độ công nghệ) các doanh nghiệp, ngành kinh tế.
 - + Giám định công nghiệp: Giám sát hàn, giám sát lắp đặt máy móc thiết bị, đánh giá chất lượng vật tư kim loại, thiết bị công trình.
 - + Kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị.
 - + Thẩm định giá máy móc thiết bị, phương tiện giao thông.
- Tư vấn, đào tạo.

Phòng Nghiệp vụ Cơ khí - Điện có đội ngũ cán bộ có trình độ kỹ thuật chuyên sâu, giàu kinh nghiệm trong công tác kiểm tra/ thẩm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.1.2 Hóa chất, vật liệu xây dựng

Phòng Nghiệp vụ Hóa chất, Vật liệu xây dựng có chức năng kiểm tra kỹ thuật sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra về chất lượng ban hành kèm theo Quyết định 50/2006/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 03 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ đối với các loại sản phẩm hàng hóa dưới đây:

- Xăng không chì.
- Nhiên liệu Diesel.
- Thuốc bảo vệ thực vật.
- Phân bón.
- Xi măng.

Thực hiện các dịch vụ sau:

- Giám định, khối lượng, kỹ thuật chất lượng, an toàn như: khoáng sản và hóa chất, vật liệu xây dựng, các sản phẩm dầu khí và nhiều lĩnh vực khác.
- Giám định hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước.

Phòng Nghiệp vụ Hóa chất, Vật liệu xây dựng có đội ngũ cán bộ có trình độ kỹ thuật chuyên sâu, giàu kinh nghiệm trong công tác kiểm tra/ thẩm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.1.3 Thực phẩm, hàng tiêu dùng

Phòng Nghiệp vụ Thực phẩm Hàng tiêu dùng có chức năng kiểm tra, giám định các sản phẩm hàng hóa sau:

- Kiểm tra nhà nước hàng nhập khẩu theo quyết định 50/2006/QĐ-TTg, ngày 07 tháng 03 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ đối với các loại sản phẩm hàng hóa dưới đây:
 - + Mũ an toàn công nghiệp, găng tay và ủng cách điện, mặt nạ lọc bụi và khẩu trang chống bụi, kính hàn điện.
 - + Đồ chơi dành cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi.
- Kiểm tra nhà nước hàng thực phẩm nhập khẩu theo danh mục tại quyết định số 818/2007/QĐ-BYT (được chỉ định bởi BYT theo công văn số CV: 728/ATTP-ĐK).
 - + Thực phẩm chế biến các loại, nguyên liệu chế biến và phụ gia thực phẩm.
 - + Thực phẩm chức năng và sản phẩm bảo vệ sức khỏe.
 - + Bao bì và vật dụng chứa đựng thực phẩm.
- Giám định thương mại: Hàng tiêu dùng, thực phẩm, nông sản, thủy sản, ...
- Tư vấn các Hệ thống quản lý chất lượng ISO, HACCP, ...

3.2 LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM

Các phòng Thử nghiệm thực hiện các hoạt động thử nghiệm, xác định, đánh giá các chỉ tiêu chất lượng, tính năng kỹ thuật của các sản phẩm, hàng hóa, cấu kiện, vật liệu công trình; nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân.

Lĩnh vực thử nghiệm:

- Cơ khí: Vật liệu kim loại, sản phẩm cơ khí.
- Xây dựng: Vật liệu xây dựng (đất, cát, đá, cốt liệu, xi măng, bê tông, gạch, ngói các loại, gốm sứ, cấu kiện, ...), công trình xây dựng và giao thông.
- Điện: Dây và cáp điện, dây điện từ, pin và acquy, dụng cụ điện dân dụng, cơ cấu đóng ngắt, máy biến thế, thử cách điện, cao áp đến 600 kV, ...
- Hàng tiêu dùng: Vải sợi, may mặc, giấy, các loại bao bì, cao su, chất dẻo, sơn, vecni, mực in, dụng cụ thể thao, đồ chơi, ...
- Thực phẩm: Nông sản, thực phẩm, thủy sản, thức ăn gia súc, ...
- Vi Sinh: Nước, thực phẩm, nông sản, thủy sản, ...
- Môi trường: Nước uống, nước sinh hoạt, chất thải độc hại, nước thải, khí thải, chất thải rắn, ...
- Hóa: Hóa chất vô cơ và hữu cơ, phân bón, thuốc trừ sâu, chất tẩy rửa, nhựa, cao su, thủy tinh, gốm sứ, ...
- Dầu khí: Sản phẩm lọc dầu (xăng, dầu FO, DO, ..), dầu bôi trơn, khí thiên nhiên.
- Không phá hủy (NDT): Các sản phẩm đúc, rèn, hàn, ... bằng các phương pháp không phá hủy RT, UT, MT, PT, VT, LT, ...
- An toàn công nghiệp: Kiểm định kỹ thuật an toàn các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

3.2.1 Phòng thử nghiệm Cơ khí - Vật liệu xây dựng

Phòng thử nghiệm Cơ khí - Vật liệu xây dựng có khả năng thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý, tổ chức tế vi, thành phần hóa học của vật liệu kim loại (sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng, ...):

- Cơ khí: Nguyên vật liệu, kết cấu kim loại, sản phẩm cơ khí, ...
- Vật liệu xây dựng: đất, đá, cốt liệu, xi măng, bê tông, gốm sứ, cấu kiện xây dựng, ...

Thực hiện các dịch vụ về công tác thử nghiệm liên quan như: Đào tạo thử nghiệm viên; Hợp đồng dịch vụ Khoa học Công nghệ.

Phòng thử nghiệm Cơ khí - Vật liệu xây dựng đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

3.2.2 Phòng thử nghiệm Điện - Điện tử

Phòng Thử nghiệm Điện - Điện tử thực hiện các hoạt động thử nghiệm, đánh giá chất lượng, an toàn điện cho các sản phẩm Điện - Điện tử, các công trình xây dựng theo các tiêu chuẩn Việt Nam cũng như tiêu chuẩn Quốc tế, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, Chứng nhận sản phẩm và nhu cầu của các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân như:

- Các sản phẩm Điện - Điện tử dân dụng.
- Các loại dây và cáp điện.
- Dây điện tử.
- Các thiết bị đóng ngắt.
- Các loại vật liệu cách điện.
- Các loại máy biến thế, máy điện quay.
- Các loại đèn chiếu sáng.
- Các loại khí cụ điện khác.

Phòng thử nghiệm Điện - Điện tử đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

3.2.3 Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng

Phòng Thử nghiệm Hàng tiêu dùng thực hiện các hoạt động thử nghiệm, xác định các chỉ tiêu chất lượng, tính năng kỹ thuật các sản phẩm như:

- Dệt, da - May mặc.
- Giấy: Giấy viết, giấy in, giấy vệ sinh, khăn giấy, bì thông dụng và cactông sóng.
- Cao su chất dẻo: Các loại sản phẩm tiêu dùng bằng cao su (săm lốp xe đạp, xe máy, ô tô, găng tay, giày dép, gioăng, đệm tà vẹt) và bằng nhựa (ống nước, PVC, PPR, PE, bao bì PVC, PE, ...).
- Sơn.
- Mũ bảo hiểm.
- An toàn đồ chơi trẻ em.

Phòng đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

3.2.4 Phòng thử nghiệm Hóa sinh và Thực phẩm

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh và Thực phẩm thực hiện các hoạt động thử nghiệm sau:

- Xác định các chỉ tiêu chất lượng, tính năng kỹ thuật của nông sản, thực phẩm, hải sản, thủy sản, mỹ phẩm, thức ăn chăn nuôi (bao gồm cả các loại nguyên liệu, phụ gia, chất bao quản, phẩm màu), bao bì thực phẩm, nước sử dụng cho mục đích ăn uống (nước sinh hoạt, nước tinh lọc, nước khoáng đóng chai và nước dùng để sản xuất, chế biến thực phẩm).
- Các chỉ tiêu an toàn (hóa, sinh học) trong các hàng tiêu dùng và đồ chơi trẻ em,...
- Tham gia nghiên cứu khoa học, xây dựng Tiêu chuẩn, phương pháp thử, ...
- Phòng TN cũng có thể cung cấp các dịch vụ đào tạo kỹ năng thử nghiệm, tư vấn xây dựng phòng thí nghiệm và các tư vấn kỹ thuật khác theo yêu cầu.

Phòng Thử nghiệm Hóa thực phẩm và Vi sinh đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

3.2.5 Phòng thử nghiệm Hóa môi trường

Phòng thử nghiệm Hoá môi trường thực hiện các hoạt động thử nghiệm sau:

- Đánh giá tác động môi trường.
- Phân tích chất lượng môi trường: không khí, nước, đất & trầm tích, ...
- Phân tích hoá chất, phân bón.
- Phân tích dư lượng thuốc Bảo Vệ Thực Vật, các hợp chất hữu cơ như: chlorophenols, PCBs, PAHs.. trong nước, đất, trầm tích.
- Phân tích lượng vết kim loại nặng.
- Quan trắc và phân tích môi trường.
- Tham gia tư vấn, thiết kế và xử lý ô nhiễm.
- Đào tạo Hoá - Môi trường.

Các phương pháp thử nghiệm phù hợp theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), tiêu chuẩn Quốc tế: APHA ,EPA, ISO, ...

Phòng thử nghiệm Môi trường và hóa chất đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

3.2.6 Phòng thử nghiệm Xăng dầu khí

Phòng thử nghiệm Xăng Dầu Khí thực hiện các hoạt động thử nghiệm, xác định, đánh giá các chỉ tiêu chất lượng, tính năng kỹ thuật của các sản phẩm xăng, dầu, khí hóa lỏng, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Thử nghiệm và đánh giá chất lượng, đặc tính kỹ thuật, an toàn của các sản phẩm xăng dầu khí theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức cá nhân.
- Đào tạo thử nghiệm viên, tham gia tư vấn xây dựng phòng thử nghiệm, tư vấn kỹ thuật theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân.
- Tham gia nghiên cứu khoa học, xây dựng tiêu chuẩn, xây dựng phương pháp thử nghiệm, phương pháp đánh giá chất lượng các sản phẩm Xăng, Dầu, Khí hóa lỏng.
- Các lĩnh vực thử nghiệm bao gồm Xăng, Dầu Diesel, dầu FO, dầu Nhòn, Khí hóa lỏng và các sản phẩm liên quan khác.

Cán bộ của phòng đã được đào tạo bởi chuyên gia của các hãng: CORE Lab - Mỹ; ASTM - Mỹ; KIPEQ - Hàn Quốc.

Phòng Thử nghiệm Xăng - Dầu - Khí đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

3.2.7 Phòng thử nghiệm Không phá hủy (NDT) - An toàn công nghiệp

Đối tượng:

- Các loại nồi hơi, bồn bể, bình chứa, đường ống áp lực, kết cấu thép, nhà xưởng, các công trình công nghiệp
- Các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
- Các sản phẩm kính nổi, kính dán, kính tôi nhiệt (kính cường lực), kính hộp, ...
- Các loại ống thép cứu hoả (PCCC), ống đồng, ống gió điều hoà, ...
- Các loại van công nghiệp, van an toàn
- Kết cấu bê tông cốt thép
- Các sản phẩm kính xây dựng
- Máy giặt
- Thiết bị vệ sinh: Vòi sen tắm, vòi rửa bát, vòi rửa mặt, bồn cầu, thoát sàn, ...

Năng lực kỹ thuật:

- Thử nghiệm không phá hủy (NDT) vật liệu kim loại, mối hàn
 - Chụp ảnh bức xạ (RT); Siêu âm (UT, Phased Array); Thẩm thấu (PT); Bột từ (MT); Hút chân không (Vacuum test)
- Đo chiều dày thành kim loại bằng siêu âm
- Đo chiều dày lớp phủ (mạ, sơn)
- Xác định vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông
- Kiểm tra nội soi các hệ thống đường ống công nghệ, thiết bị (Nhà máy bia, nước ngọt, nước giải khát, nước khoáng, sữa, công nghiệp thực phẩm, ...)
- Thử nghiệm các sản phẩm kính xây dựng theo QCVN 16:2017/BXD và các loại kính khác
- Đo chênh áp buồng thang thoát hiểm nhà cao tầng
- Đo độ ồn các thiết bị và hệ thống (Máy phát điện, vách kính, ...)
- Kiểm định kỹ thuật an toàn các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

- Kiểm định van an toàn
- Thử kín, thử bền các loại van
- Thử áp lực, thử rò rỉ các loại ống, đường ống, bồn bể, thiết bị, ...
- Thử khả năng chịu tải
- Thử nghiệm hiệu suất năng lượng nồi hơi
- Thử nghiệm sản phẩm, thiết bị sử dụng tiết kiệm nước theo QCVN (thử tiết kiệm nước - thể tích, lưu lượng nước sử dụng): máy giặt, vòi sen tắm, vòi rửa bát, vòi rửa mặt, bồn cầu, thoát sàn, ...
- Thử nghiệm máy bơm: Cột áp, lưu lượng, đặc tính cửa bơm, ...
- Chứng nhận quy trình hàn, chứng nhận năng lực thợ hàn
- Đào tạo kỹ thuật viên thử không phá hủy

Thiết bị chính

- Máy siêu âm Phased Array Ominiscan MX2
- Máy siêu âm EPOCH 4; USM35 DAC; USM25 DAC
- Máy siêu âm bê tông PROFO-METTER 5
- Máy đo chiều dày kim loại bằng siêu âm NOVA 810
- Máy đo chiều dày lớp phủ Mini Test 4100
- Máy chụp Xray YXLON Y.SMART 300HP; SMART 200; XXQ2505
- Nguồn phóng xạ γ ray Ir 192
- Máy quang phổ tử ngoại - khả kiến cận hồng ngoại (UV-Vis/NIR) LAMBDA 950
- Thiết bị phân tích phổ hồng ngoại (Model: Spectrum)
- Thiết bị thử độ bền va đập con lắc, độ bền va đập bi rơi của kính
- Hệ thống thử nghiệm sản phẩm, thiết bị tiết kiệm nước

Phòng thử nghiệm không phá hủy (NDT) - An toàn công nghiệp đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

3.3 LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH - HIỆU CHUẨN

Triển khai các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị đo phục vụ quản lý nhà nước và theo yêu cầu của doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân.

Lĩnh vực hoạt động:

- Kiểm định và hiệu chuẩn phương tiện đo theo các phương pháp ĐLVN, OIML, TCVN, ISO, ASTM... cho các lĩnh vực:
- Đo lường Khối lượng - Dung tích: Cân, quả cân, xitéc ô tô, bình chuẩn, cột đo nhiên liệu
- Đo lường Điện: Đồng hồ đo điện, công tơ điện, mêgôm mét, terromét, điện trở,...
- Đo lường Cơ - Độ dài: Lực, độ cứng, áp suất, Taximet, ...
- Đo lường Nhiệt: Nhiệt kế, cặp nhiệt điện, lò nung, máy đo độ ẩm, tỉ trọng kế, pH kế, nhớt kế, máy đo độ ồn, ...
- Dịch vụ khác: Tư vấn, trang bị, lắp đặt, vận hành thiết bị đo lường và thử nghiệm; thiết kế, chế tạo, các chuẩn đo lường.

3.3.1 Phòng Đo lường khối lượng, dung tích, lưu lượng

Phòng Đo lường khối lượng, dung tích, lưu lượng thực hiện các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các thiết bị đo lường khối lượng, dung tích và lưu lượng, ...

- Kiểm định và hiệu chuẩn cân phân tích, cân kỹ thuật dùng trong phòng thí nghiệm.
- Kiểm định, hiệu chuẩn cân chìm - tĩnh, cân ô tô, cân tàu hoả đến 150 tấn.
- Kiểm định, hiệu chuẩn cân tự động và bán tự động.
- Kiểm định và hiệu chuẩn bình chuẩn dung tích với phạm vi đo 25 - 5000 ml, cấp chính xác $\pm 0,1\%$.
- Kiểm định dụng cụ đo dung tích đến 5000 ml.
- Kiểm định, hiệu chuẩn cột đo nhiên liệu.
- Kiểm định, hiệu chuẩn bể trụ nằm ngang.

Các dịch vụ khác:

- Chuyển giao công nghệ ứng dụng điện tử tin học trong các lĩnh vực đo lường.
- Lắp đặt các thiết bị đo lường.
- Sửa chữa, hiệu chỉnh, kiểm tra và thử nghiệm thiết bị đo lường.

Phòng Đo lường Khối lượng, dung tích, lưu lượng đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

3.3.2 Phòng Đo lường Điện

Phòng Đo lường các phương tiện đo điện, điện tử thực hiện các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn thử nghiệm thiết bị, phương tiện đo lường điện, điện tử sau:

- Kiểm định hiệu chuẩn công tơ điện 1 pha, 3 pha; Kiểm định hiệu chuẩn điện trở mẫu đến cấp 0,05; TU, TI.
- Kiểm định hiệu chuẩn máy biến dòng biến áp đo lường.
- Hiệu chuẩn các điện trở chuẩn, hộp điện trở thập phân.
- Hiệu chuẩn các loại đồng hồ đo điện: V-A-W.
- Kiểm định hiệu chuẩn Mêgaoôm mét, vôn mét, ampemét, oát mét cầu đo, thiết bị thử cao áp, thiết bị đo điện trở đất.
- Hiệu chuẩn các loại cầu đo điện trở.
- Hiệu chuẩn các loại máy thử cao áp.
- Đào tạo Kiểm định viên đo lường điện.
- Hướng dẫn sử dụng lắp đặt các thiết bị đo lường điện.

Phòng Đo lường Điện đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

3.3.3 Phòng Đo lường Cơ - Độ dài

Phòng Đo lường Cơ - Độ dài thực hiện các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các phương tiện đo lường áp suất, lực, độ dài và taximet, ...

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Kiểm định, hiệu chuẩn và hiệu chỉnh các phương tiện đo áp suất: Các loại áp kế lò xo, các loại áp kế hiện số, các loại chênh áp, các loại áp kế đo áp suất tuyệt đối và chân không, các loại huyết áp kế, các loại thiết bị chuyển đổi áp suất (Transducer, Transmitter).
- Hiệu chuẩn và hiệu chỉnh các phương tiện đo lực và độ cứng: Các loại máy thử độ bền kéo nén, máy đo độ cứng kim loại, các loại lực kế, dụng cụ đo lực, búa thử bê tông, dụng cụ đo mô men.
- Hiệu chuẩn và hiệu chỉnh các phương tiện đo độ dài: Thước vạch, panme, thước cặp, đồng hồ so, thước cuộn, máy đo xa (EDM), đũa đo, máy thủy bình, máy kinh vĩ, máy toàn đạc điện tử, máy dò khuyết tật kim loại bằng siêu âm, máy đo chiều dày kim loại, máy đo chiều dày lớp phủ...
- Kiểm định taximet: Taximet các loại và thiết bị kiểm định taximet.

Phòng Đo lường Cơ - Độ dài đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

3.3.4 Phòng Đo lường Nhiệt - Âm - Hóa lý

Phòng Đo lường Nhiệt thuộc Trung tâm kỹ thuật Tiêu Chuẩn - Đo lường - Chất lượng 1 được trang bị các thiết bị chuẩn nhiệt độ phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đo lường Nhiệt, cũng như phục vụ nhu cầu của các sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ...

- Với các trang thiết bị chuẩn hiện có, phòng Đo lường Nhiệt có khả năng:
- Kiểm định, hiệu chuẩn và hiệu chỉnh các phương tiện đo nhiệt độ trong phạm vi $(-20 \div 1400)^{\circ}\text{C}$.
- Xác định chính xác nhiệt độ trong những điều kiện thử nghiệm khác nhau.
- Đo thử nghiệm nhiệt độ, nhiệt lượng và nhiệt trị.
- Xác định điểm bốc cháy của vật liệu.
- Đánh giá sự đồng đều của trường nhiệt độ.
- Tư vấn, lắp đặt các thiết bị đo lường nhiệt, hệ thống nhiệt: Hệ thống điều hoà không khí, lò nung, tủ sấy, ...
- Thẩm định chất lượng, kỹ thuật hệ thống điều hoà không khí.
- Lắp đặt, sửa chữa hệ thống điều hoà không khí.
- Cung cấp tới khách hàng các dịch vụ khoa học kỹ thuật: Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, ...

Phòng Đo lường Nhiệt đã được Văn phòng công nhận chất lượng (BOA/VILAS) công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

3.4 LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM

Phòng Chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn có chức năng triển khai các hoạt động đánh giá, chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, qui chuẩn đối với sản phẩm và hàng hóa phục vụ quản lý Nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân, cụ thể như sau:

- Thực hiện đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp qui chuẩn theo sự chỉ định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- Thực hiện đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn theo yêu cầu của các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân.
- Tư vấn, hướng dẫn xây dựng, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn:
 - + Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.
 - + Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.
 - + Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025.
 - + Hệ thống kiểm soát vệ sinh và an toàn thực phẩm theo HACCP, SQF 2000.
 - + Công tác tiêu chuẩn hóa, đo lường và quản lý chất lượng trong doanh nghiệp.